

QUYẾT ĐỊNH

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy
của Ban Dân vận Thành ủy**

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quy định số 04-QĐi/TW, ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy;
- Căn cứ Kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy tại Thông báo số 766-TB/TU, ngày 03/6/2019 về việc triển khai thực hiện Quy định số 04-QĐi/TW, ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Thành ủy và Ban Dân vận Thành ủy,

BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Chức năng

1. Là cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ Thành ủy và Thường trực Thành ủy về công tác dân vận.
2. Là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân vận của Thành ủy (bao gồm cả công tác tôn giáo, dân tộc); là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo thành phố xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo xây dựng giai cấp công nhân của thành phố và Ban Chỉ đạo Công tác Tôn giáo - Dân tộc của Thành ủy.

Điều 2. Nhiệm vụ

1. Nghiên cứu, đề xuất và thực hiện
 - a) Chủ trì, phối hợp tham mưu, đề xuất xây dựng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, chương trình công tác dân vận và chủ trương, giải pháp về công tác dân vận của Thành ủy và Ban Thường vụ Thành ủy.
 - b) Chủ trì, phối hợp nghiên cứu, đề xuất Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận, tôn giáo, dân tộc, phát huy quyền làm chủ của nhân dân và triển khai tổ chức thực hiện.



c) Tham mưu Thành ủy nắm tình hình và chỉ đạo hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, hội quần chúng ở thành phố; hoạt động công tác dân vận của các cơ quan nhà nước ở địa phương.

d) Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể theo dõi, tổng hợp tình hình nhân dân (bao gồm cả tình hình dân tộc, tôn giáo, các giai tầng xã hội, các vấn đề bức xúc trong nhân dân), báo cáo và tham mưu kịp thời với Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy để lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận và xử lý những vấn đề phát sinh.

đ) Tham gia ý kiến với các cơ quan chính quyền trong việc thể chế hóa nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng về công tác dân vận, tôn giáo, dân tộc và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

e) Thực hiện việc báo cáo định kỳ và đột xuất với Ban Thường vụ Thành ủy, Ban Dân vận Trung ương theo quy định.

g) Sơ kết, tổng kết về công tác dân vận.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát

a) Việc thực hiện các chủ trương nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng về công tác dân vận.

b) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân vận cho cấp ủy và cán bộ làm công tác dân vận của Đảng.

3. Thẩm định, thẩm tra

a) Các đề án, văn bản về công tác dân vận trước khi trình Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy.

b) Tham gia ý kiến đối với các đề án, dự án thuộc lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng - an ninh... có liên quan đến công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo; các đề án, dự án có liên quan đến quyền làm chủ của nhân dân và công tác dân vận của các cơ quan nhà nước.

4. Phối hợp

a) Với Ủy ban Kiểm tra Thành ủy tham mưu, giúp Thành ủy xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm về công tác dân vận.

b) Với các ban, ngành liên quan trong các hoạt động chung về công tác dân vận; công tác nghiên cứu, kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng kết đào tạo, bồi dưỡng, thông tin... về công tác dân vận ở địa phương.

c) Với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan liên quan và các hội quần chúng thành phố trong công tác vận động nhân sĩ, trí thức,

người có uy tín trong nhân dân và chức sắc trong tôn giáo; trong việc tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

d) Với Ban Tổ chức Thành ủy trong công tác cán bộ theo quy định của Ban Thường vụ Thành ủy về phân cấp quản lý cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử; trong việc quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Ban Dân vận Thành ủy.

đ) Với Văn phòng Thành ủy giúp Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế làm việc của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy.

5. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy giao

Điều 3. Tổ chức bộ máy, biên chế

1. Lãnh đạo Ban: Trưởng ban và từ 2 đến 3 Phó trưởng ban.

2. Các đơn vị trực thuộc, gồm:

- Phòng Đoàn thể và các Hội;
- Phòng Dân vận các cơ quan Nhà nước;
- Phòng Tôn giáo, Dân tộc và Tổng hợp.

Phòng có dưới 10 người được bố trí trưởng phòng và 01 phó trưởng phòng; có từ 10 người trở lên được bố trí không quá 02 phó trưởng phòng.

3. Biên chế: Theo Thông báo giao biên chế hàng năm của Ban Thường vụ Thành ủy gắn với thực hiện lộ trình tinh giản biên chế theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm, quyền hạn

1. Chịu trách nhiệm trước Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy trong tham mưu, đề xuất, thực hiện nhiệm vụ về công tác dân vận (bao gồm cả công tác tôn giáo, dân tộc).

2. Được yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Thành ủy báo cáo, cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan.

3. Được cử cán bộ dự các cuộc họp, hội nghị của cấp ủy trực thuộc Thành ủy, các sở, ban ngành, đảng đoàn, ban cán sự đảng, các cơ quan liên quan bàn về nội dung liên quan lĩnh vực dân vận (bao gồm cả công tác tôn giáo, dân tộc).

4. Thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm, thẩm quyền của chủ thể kiểm tra, giám sát theo quy định tại Điểm 1.2.1, Khoản 1.2, Mục 1, Phần I, Quy định số 30-QĐ/TW ngày 26/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương quy định thi hành Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

Điều 5. Mọi quan hệ công tác

1. Đối với Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy và Ban Dân vận Trung ương

a) Ban Dân vận Thành ủy chịu sự lãnh đạo và chỉ đạo về mọi mặt của Thành ủy mà trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ Thành ủy và Thường trực Thành ủy; thực hiện chế độ báo cáo, tham mưu, đề xuất với Ban Thường vụ Thành ủy và Thường trực Thành ủy các vấn đề liên quan đến lĩnh vực dân vận (bao gồm cả công tác tôn giáo, dân tộc).

b) Ban Dân vận Thành ủy chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện chế độ thống kê, báo cáo đối với Ban Dân vận Trung ương theo quy định.

2. Đối với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy và Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội thành phố

Quan hệ giữa Ban Dân vận Thành ủy với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội thành phố là quan hệ phối hợp.

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, Ban Dân vận Thành ủy chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội nghiên cứu, triển khai tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Trung ương, của Thành ủy; hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Đối với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố

Quan hệ giữa Ban Dân vận Thành ủy với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố là quan hệ phối hợp.

a) Ban Dân vận Thành ủy phối hợp với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố để triển khai thực hiện nhiệm vụ tham mưu thuộc lĩnh vực của mình có liên quan đến công tác quản lý nhà nước; Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố tạo điều kiện hỗ trợ để cùng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

b) Tại kỳ họp Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố bàn về các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực dân vận (bao gồm cả công tác tôn giáo, dân tộc) thì đại diện lãnh đạo Ban Dân vận được mời dự, tham gia ý kiến. Những nội dung cần thiết, lãnh đạo Ban Dân vận làm việc trực tiếp với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố để phối hợp thực hiện nhiệm vụ của mỗi bên.

4. Đối với cấp ủy và bộ phận tham mưu, giúp việc cấp ủy trực thuộc Thành ủy; Ban Dân vận quận ủy, huyện ủy

a) Quan hệ giữa Ban Dân vận Thành ủy với cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Thành ủy là quan hệ phối hợp, trao đổi, hướng dẫn trong việc thực hiện công tác chuyên môn, tổ chức cán bộ theo phân cấp.

b) Quan hệ giữa Ban Dân vận Thành ủy với bộ phận tham mưu, giúp việc cấp ủy trực thuộc Thành ủy là quan hệ hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

c) Ban Dân vận quận ủy, huyện ủy và đảng ủy trực thuộc có trách nhiệm thực hiện chế độ thông tin, báo cáo với Ban Dân vận Thành ủy theo quy định.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 108-QĐ/TU ngày 17/3/2016 của Ban Thường vụ Thành ủy về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Dân vận Thành ủy.


2. Căn cứ Quyết định này, Ban Dân vận Thành ủy xây dựng và ban hành Quy chế làm việc; quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các phòng chuyên môn, từng chức danh, vị trí việc làm trong cơ quan; có lộ trình giảm cấp phó các đơn vị trực thuộc, đến hết năm 2020 đảm bảo số lượng theo quy định.

3. Ban Dân vận Thành ủy và các cơ quan liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, sửa đổi, bổ sung kịp thời./.

Nơi nhận:

- Ban Dân vận Trung ương “đề báo cáo”,
- Các đảng bộ trực thuộc Thành ủy,
- Ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các ban, cơ quan của Thành ủy,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố,
- Các đồng chí Ủy viên Thành ủy,
- Lưu Văn phòng Thành ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Lê Văn Thành